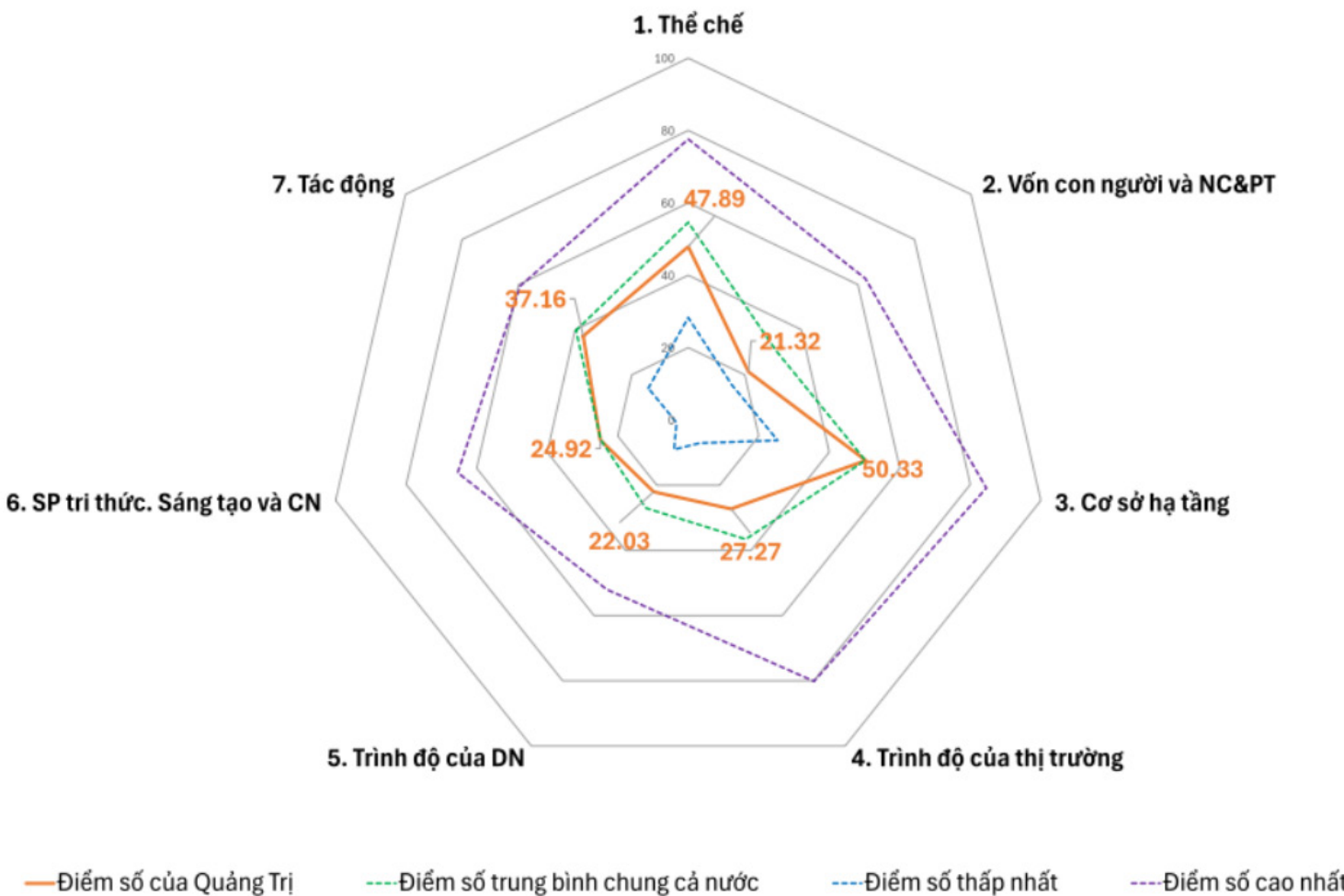


THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 12.2024

Điểm số các trụ cột PII 2024 của Quảng Trị



CÔNG BỐ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
QUẢNG TRỊ TĂNG 15 BẬC

TRONG SỐ NÀY

TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 01 Công bố Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024: Quảng Trị tăng 15 bậc
- 02 Hội đồng tư vấn nghiệm thu 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- 03 Kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Tư vấn giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay (CMCN 4.0) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”
- 04 Tập huấn nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
- 05 Hội thảo khoa học: Đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện thời gian qua và định hướng hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện thời gian tới
- 06 Kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Nghiên cứu quy trình bảo quản ném hạt sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế”
- 07 Kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

- 08 Kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Nghiên cứu, ứng dụng tích hợp các hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”

KHỞI NGHIỆP - ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO

- 09 Công bố giải thưởng Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2024

VĂN BẢN MỚI

- 10 Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia



Đơn vị thực hiện:

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU,
CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI
MỚI SÁNG TẠO**

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ,
Phường Đông Lương, Tp. Đông Hà,
tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233. 3857030

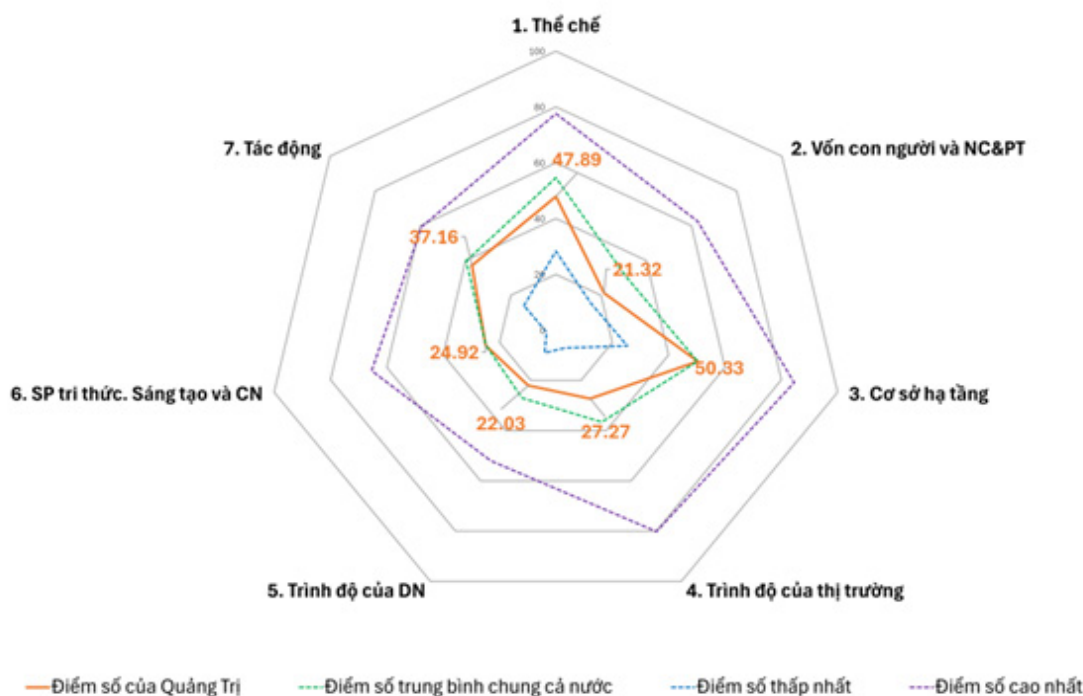
CÔNG BỐ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024: QUẢNG TRỊ TĂNG 15 BẬC

Ngày 30/12/2024, trong khuôn khổ Hội nghị tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2025 của ngành KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã Công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) năm 2024. Theo đó, Chỉ số PII của tỉnh Quảng Trị đứng thứ 40 trong cả nước, tăng 15 bậc so với năm 2023.

Khung chỉ số PII 2024 được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 1705/QĐ-BKHCN ngày 24/7/2024. PII năm 2024 có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ

cột (theo nguyên lý của bộ chỉ số GII), gồm: - 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KTXH dựa trên KH&CN&ĐMST, bao gồm:

Điểm số các trụ cột PII 2024 của Quảng Trị



Điểm số các trụ cột PII của tỉnh Quảng Trị

(1) Thể chế, (2) Vốn con người và Nghiên cứu và phát triển, (3) Cơ sở hạ tầng, (4) Trình độ phát triển của thị trường và (5) Trình độ phát triển của doanh nghiệp. - 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của KHCV&ĐMST vào phát triển KTXH, bao gồm: (6) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, (7) Tác động.

Báo cáo chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương cho thấy, điểm số các trụ cột PII năm 2024 của tỉnh Quảng Trị cụ thể: 1. Trụ cột Thể chế: 47.89 điểm (trong đó điểm mạnh là chỉ số 1.1.1 Chính sách thúc đẩy KHCV&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH: 96.45 điểm, xếp hạng 6). 2. Trụ cột Vốn con người và nghiên cứu: 21.32 điểm;

3. Trụ cột Cơ sở hạ tầng: 50.33 điểm (trong đó điểm mạnh là 3.2.2. Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%): 86.58 điểm, xếp hạng 8); 4. Trụ cột Trình độ phát triển của thị trường: 27.27 điểm; 5. Trụ cột Trình độ phát triển của Doanh nghiệp: 22.03 điểm; 6. Trụ cột Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ: 24.92 điểm (trong đó điểm mạnh là 6.2.2 Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận/10,000 dân: 80.47 điểm, xếp hạng 3; 6.3.3. Tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số DN mới thành lập (%): 61.98 điểm, xếp hạng 3); 7. Trụ cột Tác động: 37.16 điểm (trong đó điểm mạnh là chỉ số 7.1.1 Chỉ số sản xuất công nghiệp: 60.77 điểm, xếp hạng 12).

ĐIỂM MẠNH			
Tên chỉ số	Giá trị	Điểm số	Xếp hạng
6.2.2. Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận/10.000 dân	1.04	80.47	3
6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%)	17.36	61.88	3
1.1.1. Chính sách thúc đẩy KHCV & ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	51.54	96.45	6
3.2.2. Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%)	86.58	86.58	8
7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	112.23	60.77	12

Các chỉ số là điểm mạnh của tỉnh Quảng Trị

Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII - Provincial Innovation Index) cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH-CN & ĐMST) của từng địa phương. Bộ chỉ số cung cấp căn cứ và bằng chứng về điểm mạnh, yếu, các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế

- xã hội dựa trên KH-CN & ĐMST của từng địa phương.

Dựa trên bộ chỉ số, các nhà hoạch định chính sách, các cấp lãnh đạo địa phương có cơ sở xác định, lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình dựa trên KH-CN & ĐMST.

Nguyễn Thị Hòa

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN NGHIỆM THU 05 NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vừa qua, Hội đồng tư vấn đã tiến hành nghiệm thu 01 đề tài cấp viện và 04 nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh.

1. Đề tài cấp viện “Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng nhằm cải tạo đất gò đồi và đất bạc màu tại tỉnh Quảng Trị” do Viện Nghiên cứu Khoa học Miền Trung chủ trì, TS. Phạm Thị Thúy Hoài làm chủ nhiệm.

Theo đó, đề tài đã hoàn thiện quy trình nhân giống vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất; hoàn thiện quy trình lên men trong môi trường xốp sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất; Tổ chức sản xuất 300 kg chế phẩm đa chức

năng cải tạo đất; Xây dựng mô hình diện hẹp sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho một số cây trồng chính trên đất gò đồi và đất bạc màu tại các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Hải Lăng; Hoàn thiện Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất gò đồi và đất bạc màu; Xây dựng mô hình diện rộng 5.000m² sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho một số cây trồng chính trên đất gò đồi và đất bạc màu tại các huyện Gio Linh, Cam Lộ (mô hình diện rộng sử dụng chế phẩm sinh học



Đơn vị chủ trì báo cáo kết quả đạt được của đề tài tại Hội đồng. Ảnh: Ánh Ngọc.

đa chức năng cải tạo đất trồng cây lạc quy mô 5000m²; Mô hình diện rộng sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất trồng cây lá vàng quy mô 5000m²; Mô hình diện rộng sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất trồng cây ném quy mô 2000m²; Mô hình diện rộng sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất trồng cây cam quy mô 10.000m²); 02 bài báo đã đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 01 bài báo đăng trên tạp chí bảo vệ thực vật và 01 bài báo đăng trên Đạp san KH&CN tỉnh Quảng Trị. Các mô

hình sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho cây ném trên đất bạc màu tỉnh Quảng Trị đều giảm tỷ lệ cây bị bệnh $\geq 50\%$, tăng năng suất $\geq 20\%$ trong cùng khu vực: Đối với mô hình lạc, nhóm bệnh héo rũ và giảm tỷ lệ bệnh hơn 50% so với vườn đối chứng, năng suất lạc cao hơn 22%; Đối với mô hình chè vằng, tỷ lệ bệnh thán thư giảm 63%, chỉ số bệnh thán thư giảm 57%, tỷ lệ bệnh đen đầu lá giảm 55% và chỉ số bệnh giảm 67%, năng suất cao hơn 58,1%; Đối với mô hình ném, năng suất cao hơn 20,3%; Đối với

mô hình cam thì tỷ lệ bệnh và chỉ số bệnh hại trên cam ở mô hình sử dụng chế phẩm sinh học cải tạo đất đều giảm hơn 50% và năng suất tăng hơn 27%. Đề tài được Hội đồng thống nhất nghiệm thu đề tài xếp loại xuất sắc./.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu phát triển công nghệ biofloc dựa trên nguồn vi sinh bản địa nhằm tăng tính hiệu quả và bền vững nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Quảng Trị” do TS. Lê Công Tuấn làm chủ nhiệm, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế chủ trì.

Kết quả của đề tài đã hoàn thành khảo sát và xây dựng cơ sở dữ liệu. Phân lập thành công 4 loài vi khuẩn và 3 loài sinh vật phù

du hữu ích. Xây dựng quy trình sản xuất sinh khối vi sinh và thử nghiệm mô hình. Thành công với 04 vụ nuôi (ao đất và ao bạt), đúc kết quy trình kỹ thuật. Sản phẩm của đề tài gồm: 05 chủng/loài vi sinh vật hữu ích với thông tin định danh, quy trình phân lập và lưu trữ giống. 01 quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ biofloc 2 giai đoạn sử dụng vi sinh vật bản địa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Mô hình nuôi tôm nông hộ ứng dụng công nghệ biofloc 2 giai đoạn sử dụng vi sinh vật bản địa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với năng suất tôm thu hoạch 13-15 tấn/ha, hệ số chuyển đổi thức ăn 1.3-1.5. Nghiệm thu mô hình và hoàn thành báo cáo tổng kết đề tài. Đề



Ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp. Ảnh: Hải Yến



Đơn vị chủ trì báo cáo trước Hội đồng. Ảnh: Hải Yến.

tài không chỉ mang giá trị khoa học mà còn mở ra cơ hội phát triển bền vững cho nghề nuôi tôm tại tỉnh Quảng Trị. Đồng thời, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống cho người dân. Đến nay, toàn tỉnh Quảng Trị có trên 1.250 ha nuôi tôm, trong đó (nuôi tôm thẻ 1.054 ha, nuôi tôm sú 198 ha), sản lượng nuôi hàng năm đạt khoảng 5.424 tấn, giá trị mang lại gần 679 tỷ đồng. Ngay từ những ngày đầu xuất hiện, mô hình nuôi tôm 2,3 giai đoạn, nuôi theo quy trình ứng dụng công nghệ cao có sức đầu tư khá lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao, phải

tuân thủ nhiều quy định nghiêm ngặt. Với những kết quả cao cả về năng suất, sản lượng lẫn hiệu quả kinh tế, ngày càng có nhiều người nhận thức lại và mạnh dạn đầu tư vốn, kỹ thuật để nuôi tôm công nghệ cao. Đề tài thành công sẽ góp phần phát triển công nghệ bền vững, giảm hóa chất và kháng sinh. Ổn định môi trường ao nuôi, nâng cao năng suất. Từ đó, góp phần bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển thủy sản bền vững. Đề tài được Hội đồng thống nhất nghiệm thu đề tài xếp loại: Xuất sắc./.

3. Đề tài KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu phương pháp đánh giá chất lượng chuyên môn nghiệp vụ công chức, viên chức khối nhà nước tỉnh Quảng Trị thông qua sát hạch định kỳ” do ông Ngô Quang Chiến làm chủ nhiệm, Sở Nội vụ Quảng Trị chủ trì.

Theo đó, đề tài đã tiến hành triển khai thu thập thông tin, dữ liệu; xử lý, phân tích dữ liệu. Nghiên cứu tổng quan về việc nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đánh giá thực trạng chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cán



Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp.
Ảnh: Hải Yến

bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2022. Phân tích thực trạng công tác đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay. Phân tích, đánh giá kết quả, những bất cập, hạn chế của công tác đánh giá, phân loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, phân loại

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh. Xây dựng đề án kiểm tra, sát hạch định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao trình UBND tỉnh. Tổ chức các Hội thảo Khoa học lấy ý kiến chuyên gia và nhà quản lý về các chuyên đề nghiên cứu và Đề án kiểm tra,



Đơn vị chủ trì báo cáo trước Hội đồng. Ảnh: Hải Yến.

sát hạch đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (01 hội thảo). Báo cáo tổng kết đề tài.

Với việc hoàn thành Đề tài này là cơ sở để triển khai việc thực hiện việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức thông qua sát hạch định kỳ. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Đề án được phê duyệt xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra sát hạch đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Kết quả của kỳ kiểm tra sát hạch là cơ sở quan trọng để đánh giá, phân loại chất

lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Hội đồng thống nhất nghiệm thu đề tài xếp loại xuất sắc./.

4. Đề tài KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu, ứng dụng tích hợp các hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tại các khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” do Sở KH&CN Quảng Trị chủ trì, CN. Trần Thiềm làm chủ nhiệm, thời gian thực hiện 24 tháng, từ ngày 01/01/2022 - 31/12/2024.



Đơn vị chủ trì báo cáo tại Hội đồng. Ảnh: Ánh Ngọc.

Đề tài đã nghiên cứu áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý cho 05 Doanh nghiệp tập trung trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Công ty Cổ phần Bình điền Quảng Trị, Nhà máy Hòa Thọ Đông Hà, Công ty TNHH Dầu khí Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Từ Phong, Công ty TNHH MTV Ngọc Anh Quảng Trị); Triển khai Hướng dẫn áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp; Nghiên cứu, xây dựng bộ tài liệu Hướng dẫn áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý chất lượng thích hợp; Hoàn thiện bài viết về nội dung nghiên cứu, kết quả, kinh nghiệm áp dụng tại doanh nghiệp được đăng tải trên

Trang thông tin điện tử KH&CN Quảng Trị (sokhcn.quangtri.gov.vn) và Đặc san KH&CN. Với sự hướng dẫn áp dụng cụ thể của Sở Khoa học và Công nghệ, đã giúp cho doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, điều hành, quản lý công nghệ, qua đó tiết kiệm chi phí, nguyên vật liệu và thời gian, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc áp dụng HTQLTH đã góp phần thay đổi sâu sắc nhận thức của cán bộ nhân viên về năng suất chất lượng, về sự cần thiết cải tiến năng suất của lãnh đạo doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự tham gia của từng cá nhân.

Qua quá trình triển khai hướng dẫn xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp 03 Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018; Hệ thống quản lý tích hợp 02 Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và ISO 45001:2018, ISO 9001:2015 và ISO 22000:2018 tại các Doanh nghiệp, nhận thấy: Việc áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp 03 Tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp giảm số quy trình xây dựng, số quy trình giảm khoảng 60%; Hệ thống quản lý tích hợp 02 Tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp giảm số quy trình xây dựng, số quy trình giảm khoảng 40%. Việc tích hợp các hệ thống sẽ giúp hệ thống tài liệu được tích hợp sử dụng chung, tránh được sự chồng chéo; rút ngắn thời gian và chi phí đến (khoảng 30%) so với áp dụng hệ thống riêng lẻ. Doanh nghiệp có thể tích hợp, lồng ghép nhiều nội dung hoạt động và cũng như nhiều tài liệu với nhau như: xác định chính sách; mục tiêu; kế hoạch triển khai mục tiêu; hoạt động xem xét bối cảnh, nhận diện và đánh giá các rủi ro, cơ hội tiềm ẩn; hoạt động kiểm soát thông tin dạng văn bản; hoạt động kiểm soát đầu ra không phù hợp; hoạt động đánh giá nội bộ HTQL và xem xét của lãnh đạo đối với HTQLCL; hoạt động xác

định cung cấp nguồn lực, bổ sung năng lực; Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ đã được các Doanh nghiệp tham gia thực hiện tiếp nhận và tổ chức triển khai có hiệu quả. Sản phẩm nhiệm vụ có thể sử dụng để áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự cũng như bổ sung thêm các kinh nghiệm áp dụng tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi có nhu cầu tự áp dụng các hệ thống quản lý tích hợp này. Hội đồng thống nhất nghiệm thu đề tài xếp loại đạt.

5. Đề tài KH&CN cấp tỉnh *“Khảo nghiệm tính chống chịu bệnh khảm lá do virus và khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống sắn mới có triển vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”* do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị thực hiện.

Đề tài đã tiến hành đánh giá thực trạng sản xuất sắn trên địa bàn tỉnh. Khảo nghiệm tính chống chịu bệnh khảm lá virus và khả năng sinh trưởng, phát triển một số giống sắn mới có triển vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Xây dựng mô hình trình diễn và tuyên truyền các giống sắn mới có triển vọng trên địa bàn. Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho các giống sắn mới được tuyển chọn



Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp.
Ảnh: Hải Yến.

từ thực nghiệm. Tổ chức hội thảo khoa học lấy ý kiến hoàn thiện và ban hành quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho các giống sắn mới được tuyển chọn.

Sắn là cây trồng chủ lực, cây xóa đói giảm nghèo, là nguồn thu nhập chính của nhiều hộ nông dân đặc biệt là bà con vùng núi Hướng Hóa, Đakrông. Tại tỉnh Quảng Trị, cây sắn có diện tích tương đối lớn khoảng 12000 ha/năm, sản lượng ước đạt 200 000 tấn. Chủ yếu là giống sắn KM94, sau trồng trên 30 năm đã thoái hóa, nhiễm nhiều đối tượng sâu bệnh. Trong đó, bệnh khảm lá xuất hiện gây hại diện rộng ảnh hưởng lớn đến năng suất, chế biến và đời sống người dân. Trước tình hình đó,

đơn vị chủ trì thực hiện đề tài với mục tiêu tuyển chọn một số giống sắn mới kháng bệnh khảm lá virus, có năng suất và chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái tỉnh Quảng Trị để bổ sung vào cơ cấu giống sắn của tỉnh. Nhân rộng trong sản xuất đại trà, thay thế dần các giống sắn cũ thoái hóa nhiễm bệnh khảm lá virus,... góp phần ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà máy sắn, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Kết quả của đề tài rất khả quan, khảo nghiệm được nhiều giống sắn triển vọng, năng suất, chất lượng cao, có triển vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Hội đồng thống nhất nghiệm thu đề tài xếp loại: Xuất sắc./.

Hải Yến

KIỂM TRA GIỮA KỲ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH “TƯ VẤN GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY (CMCN 4.0) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ”

Vừa qua, Hội đồng tư vấn do ông Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì đã tiến hành kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Tư vấn giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay (CMCN 4.0) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Đề tài do TS. Lê Thị Xuân Liên làm chủ nhiệm, Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục tỉnh Quảng Trị chủ trì.



Đơn vị chủ trì báo cáo trước Hội đồng. Ảnh: Hải Yến.

Đề tài đã thực hiện các nội dung: Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về tư vấn, giáo dục hướng nghiệp (GDHN) cho học sinh (HS). Xây dựng đề cương. Hệ thống hoá cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn. Báo cáo chuyên đề 1 “Cơ sở lý luận và thực tiễn về tư vấn, giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018”.

Nghiên cứu thực trạng về công tác tư vấn GDHN cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Xây dựng 06 mẫu phiếu cho 06 đối tượng; Khảo sát online đối với 32 trường THPT trực thuộc Sở GDĐT, 08 trung tâm GDNN-GDTX; Thu thập thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả khảo sát với 15.506 phiếu; Tổ chức Hội thảo khoa học “Tư vấn giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX - Thực trạng và giải pháp”; Báo cáo chuyên đề 2 “Thực trạng công tác tư vấn, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Đề xuất các giải pháp GDHN cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Xây dựng Tài liệu, Quy trình tư vấn, GDHN của giáo viên cho học sinh THPT. Xây dựng Mô hình tư vấn hội nghị của các trường THPT và trung tâm GDNN-GDTX. Xây dựng nội dung App tư vấn, GDHN cho học sinh. Ứng dụng công

nghệ thông tin xây dựng App tư vấn, hướng nghiệp cho HS, đang thực hiện 90%. Xây dựng phần mềm ứng dụng hệ thống trên giao diện website và app mobile dành cho điện thoại thông minh hệ điều hành IOS và Android. Thẩm định nội bộ app tư vấn hướng nghiệp, đã thẩm định lần 1 và đang bổ sung để hoàn thiện. Báo cáo chuyên đề 3 “Xây dựng app tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Xây dựng bộ tài liệu tập huấn về tư vấn, giáo dục hướng nghiệp và Mô hình cung cấp dịch vụ hướng nghiệp ở trường THPT. Xây dựng bộ tài liệu tập huấn về tư vấn hướng nghiệp (TVHN) cho GV, quy trình TVHN và Mô hình TVHN ở trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX. Nghiệm thu nội bộ tài liệu, mô hình, quy trình TVHN, đã nghiệm thu lần 1 và đang bổ sung hoàn thiện. Báo cáo chuyên đề 4 “Nội dung, phương pháp, quy trình TVHN và Mô hình TVHN ở trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm học 2024 - 2025.

Triển khai thí điểm/thực nghiệm ứng dụng mô hình thí điểm và các giải pháp, đang thực hiện. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn giáo viên về tư vấn, GDHN cho HS. Phối hợp với Sở GDĐT triển khai mô hình thực nghiệm về các trường THPT, TTGDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh,

đang thực hiện. Đơn vị chủ trì đã Hoàn thành 10/13 nội dung theo Hợp đồng. Thời gian tới, đơn vị thực hiện sẽ tiếp tục thực hiện các nội dung: Hoàn thành app tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Tổ chức thực hiện thí điểm 12/24 - 4/2025. Tổ chức hội thảo đánh giá kết quả 5/2025. Thực hiện Báo cáo chuyên đề 5: Thực hiện thí điểm tư vấn GDHN và mô hình tư vấn hướng nghiệp ở trường THPT, TT GDNN-GDTC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, kết quả và bài học kinh nghiệm.

Tại buổi kiểm tra, các thành viên Hội đánh giá các đơn vị chủ trì đã thực hiện công việc đúng theo yêu cầu của thuyết minh đã được phê duyệt và Hợp đồng đã ký kết. Trong thời gian tới, Hội đồng đề nghị đơn vị thực hiện cần tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung tiếp theo đảm bảo khối lượng, chất lượng sản phẩm của đề tài theo thuyết minh trước khi trình Hội đồng KH&CN nghiệm thu./.

Hải Yến

TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ DỰA TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Vừa qua, Sở KH&CN tổ chức tập huấn về Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tham dự lớp tập huấn có Hội Nông dân; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh; Các tổ chức, cá nhân sản xuất; DN doanh nghiệp vừa và nhỏ; Hợp tác xã đã được chứng nhận OCOP trên địa bàn tỉnh; Cán bộ, chuyên viên các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở KH&CN. Ông Nguyễn Hữu Thắng, Phó Giám đốc Sở đã tham dự và phát biểu khai mạc lớp tập huấn.

Các đại biểu tham gia lớp Tập huấn đã được giảng viên hướng dẫn các nội dung: Tập huấn đào tạo về Hệ thống

quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9000:2015. Giới thiệu cấu trúc tài liệu của hệ thống ISO 9001. Nhận diện, đánh giá,



Ông Nguyễn Hữu Thắng, Phó Giám đốc Sở phát biểu khai mạc lớp tập huấn.

Ảnh: Hải Yến

kiểm soát rủi ro theo hệ thống ISO 9001. Giới thiệu các công cụ hỗ trợ giúp phân tích rủi ro và cơ hội. Phân tích cải tiến dựa trên kết quả thực hiện. Hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý các quy trình, thủ tục,... theo ISO. Hướng dẫn các bước soạn thảo và vận hành hệ thống ISO 9001 trong thực tế. Kinh nghiệm triển khai áp dụng ISO 9001 thực tế trong các Doanh nghiệp hiện nay.

Thông qua lớp tập huấn giúp các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, nắm bắt và triển khai thực hiện hiệu quả việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh Quảng Trị./.

Hải Yến

HỘI THẢO KHOA HỌC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN THỜI GIAN QUA VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN THỜI GIAN TỚI

Vừa qua, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức Hội thảo khoa học: “Đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện thời gian qua và định hướng hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện thời gian tới”. Ông Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hội nghị.



Ông Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN phát biểu tại hội nghị. Ảnh: Hải Yến.

Tham dự Hội nghị có: Đại diện Lãnh đạo và chuyên viên phụ trách KH&CN các phòng Kinh tế, Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố; Đại diện Lãnh đạo và chuyên viên các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thị xã, thành phố; Ban Giám đốc Sở, Trưởng, phó các phòng, đơn vị thuộc Sở; phóng viên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị.

Hội thảo đã triển khai các nội dung: Đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp huyện thời gian qua. Định hướng hoạt động KH&CN cấp huyện thời gian tới trên các lĩnh vực: Khoa học tự nhiên: Nghiên cứu, điều tra cơ bản; Khoa học xã hội và nhân văn; Khoa học kỹ thuật và công nghệ phục vụ các ngành, lĩnh vực; Khoa học nông nghiệp. Thông qua hội thảo, Sở KH&CN đề nghị các đại biểu tập trung trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để phát huy hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN cũng như thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN ở trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã ngày càng đi vào thực tế, hiệu quả.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trình bày nhiều tham luận về việc ứng dụng KH&CN trong

lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đề xuất một số nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngành nông nghiệp cấp huyện; công tác phối hợp nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thực trạng và nhu cầu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hiện nay... Đồng thời, trao đổi, thảo luận một số nội dung liên quan đến hiệu quả, tác động của ứng dụng tiến bộ KH&CN, đặc biệt ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn sản xuất và thế mạnh của từng địa phương; những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần được các cấp, các ngành hỗ trợ tháo gỡ kịp thời để đẩy mạnh hoạt động KH&CN cấp huyện trong thời gian tới./.

Hải Yến

KIỂM TRA GIỮA KỲ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ “NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH BẢO QUẢN NÉM HẠT SAU THU HOẠCH NHẪM KÉO DÀI THỜI GIAN BẢO QUẢN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ”

Vừa qua, Hội đồng tư vấn do ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì đã tiến hành Kiểm tra giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Nghiên cứu quy trình bảo quản ném hạt sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế”. Đề tài do bà Lê Thị Minh Nguyệt làm Chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo chủ trì.



Kết quả: khối lượng ném củ sau 120 ngày bảo quản trong bao lưới ở 2 độ C

Các nội dung và kết quả sản phẩm đạt được của đề tài gồm: Đánh giá thực trạng vùng nguyên liệu, các phương pháp bảo quản phổ biến ném củ trên địa bàn tỉnh và xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu, quy trình sơ chế nguyên liệu. Hoàn thành 100% các nội dung: Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng vùng nguyên liệu Ném củ ở Hải Lăng, Vĩnh Linh. Bộ tiêu chuẩn nguyên liệu. Quy trình sơ chế nguyên liệu Ném củ. Báo cáo đánh giá nêu rõ thực trạng vùng nguyên

liệu bao gồm diện tích, năng suất. Thời gian gieo trồng, thu hoạch, phân bón, quy trình bảo quản ném củ; giá trị ném củ thương phẩm, ném củ giống, thị trường tiêu thụ. Bộ tiêu chuẩn nguyên liệu rõ ràng, dễ hiểu. Quy trình sơ chế rõ ràng, dễ áp dụng.

Nghiên cứu, xác định các thông số kỹ thuật tối ưu bảo quản lạnh ném củ ở quy mô nhỏ không sử dụng chất bảo quản và so sánh với đối chứng bảo quản



Kết quả: khối lượng ném củ sau 120 ngày bảo quản trong bao lưới ở 4 độ C

ném củ thông thường (vùi ném củ trong cát khô). Hoàn thành 100% các nội dung sau: Kết quả kiểm nghiệm mẫu Ném củ trước khi bảo quản: Sơ chế nguyên liệu. Bố trí thí nghiệm: Bảo quản mẫu trong 02 loại bao gói: bao lưới và bao nilon, ở 5 nhiệt độ: 2; 4; 6; 8; 100 độ C. Bảng số liệu về khối lượng mẫu sau: 30, 60, 90, 105, 120, 135, 150, 160, 170 ngày triển khai thí nghiệm. Bảng ghi chép thay đổi về mặt cảm quan của mẫu nghiên cứu. Lựa chọn được các thông số tối ưu bảo quản lạnh. Kiểm nghiệm mẫu sau khi sau khi bảo quản lạnh, bảo quản trong cát. Kết quả kiểm nghiệm mẫu Ném củ trước khi bảo quản gồm: Bảng kết quả và đánh

giá kết quả nghiên cứu các thông số bảo quản lạnh ném củ và thí nghiệm đối chứng bảo quản vùi trong cát. So sánh hiệu quả của bảo quản lạnh và bảo quản vùi trong cát. Chọn được các thông số tối ưu bảo quản lạnh ném củ. Kết quả kiểm nghiệm mẫu Ném củ sau thời gian bảo quản. Tại buổi kiểm tra, Hội đồng đánh giá cao tiến độ, khối lượng kết quả đạt được của đề tài. Các nội dung công việc đề tài đã triển khai đúng tiến độ đề ra, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đồng thời đề nghị chủ nhiệm đề tài cần bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các thành viên Hội đồng, tiếp tục triển khai các nội dung đúng tiến độ trong thời gian tới./.

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 02 NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2024

Sáng ngày 29/12/2024, Hội đồng KH&CN do Ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở KH&CN Chủ trì, đã tiến hành kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện 02 nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024, do Trung tâm nghiên cứu, Chuyển giao Công nghệ và Đổi mới sáng tạo chủ trì.

1. Dự án “Xây dựng mô hình trồng cây Đinh lăng (*Polyscias fruticosa*) theo hướng GACP tại huyện Hướng Hóa - Quảng Trị”, KS. Nguyễn Hương làm chủ

nhiệm. Sau thời gian tìm hiểu và nghiên cứu, Trung tâm đã tổ chức học tập kinh nghiệm về sản xuất cây giống đinh lăng lá nhỏ bằng phương pháp giâm hom và kỹ



Các thành viên Hội đồng kiểm tra tình hình thực tế tại mô hình trồng cây Đinh Lăng theo hướng GACP tại huyện Hương Hóa. Ảnh: Ánh Ngọc.

thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cây đinh lăng nguyên liệu cho 03 người trong thời gian 05 ngày; khảo sát đánh giá thực địa khu đất triển khai dự án cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp để trồng cây đinh lăng, Hợp tác xã đã đáp ứng yêu cầu về đối ứng và triển khai dự án. Trung tâm chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, nguyên vật liệu như: cày đất, phân bón, cây giống, lắp đặt hệ thống tưới nước theo quy mô: 02ha trồng 80.000 cây, cây sinh trưởng và phát triển ổn định, tỷ lệ sống > 95%, chăm sóc, bón phân, tưới nước, làm cỏ... cho cây theo đúng quy trình kỹ thuật, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển và sâu bệnh hại trên cây đinh lăng. Trong thời gian tới Trung tâm tiếp tục chăm sóc, bón phân, tưới nước, làm cỏ cho cây theo đúng quy trình kỹ thuật; theo dõi khả

năng sinh trưởng, phát triển, tình hình sâu bệnh hại trên cây để có phương án điều chỉnh kịp thời; xây dựng mô hình sản xuất cây giống và tiếp tục thực hiện các nội dung khác theo tiến độ của dự án

2. Đề tài “Nghiên cứu, xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống cây tía tô theo hướng GACP tại tỉnh Quảng Trị”, CN. Nguyễn Ngọc Khánh làm chủ nhiệm.

Đề tài đã tổ chức 01 đợt học tập kinh nghiệm về sản xuất cây giống tía tô và kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cây tía tô nguyên liệu trên địa bàn tỉnh; tiến hành khảo sát, đánh giá thực địa khu đất triển khai đề tài cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp để trồng cây tía tô. Đồng thời, Hợp tác xã đáp ứng các yêu cầu về đối ứng và phối hợp triển khai xây dựng mô hình sản xuất cây giống và



Mô hình trồng thử nghiệm một số giống cây tía tô theo hướng GACP tại huyện Hướng Hóa. Ảnh: Ánh Ngọc.

trồng thử nghiệm. Theo đó, đơn vị chủ trì đã kiểm tra 02 chỉ tiêu và 13 chỉ tiêu về đất trồng và nước tưới. Kết quả: 15 chỉ tiêu đều đảm bảo cho phép trồng các loại cây dược liệu. Đề tài đã sản xuất 15.500 cây giống tía tô đạt tiêu chuẩn xuất vườn, lắp đặt hệ thống tưới phun mưa trên quy mô 1.350m², trồng ra vườn 03 giống tía tô với các mật độ khác nhau; tổ chức 01 lớp tập huấn (30 người/lớp), hướng dẫn quy trình trồng chi tiết cho nông dân có nhu cầu trồng cây tía tô theo tiêu chuẩn GACP ở xã Tân Hợp, Huyện Hướng Hóa; thu hoạch đợt 1 ngày 17/09/2024 được 380kg tía tô (thân, cành, lá)/1.350m²; tiến hành sấy 55^oC trong vòng 17 tiếng và sấy tiếp 65^oC trong vòng 4 tiếng. Kết quả: từ 380kg tía tô tươi

(thân, cành, lá) thu được 84,1kg tía tô khô. Dự kiến trong thời gian tới, đơn vị chủ trì tiếp tục theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống tía tô tại mô hình trồng thử nghiệm và tiếp tục sản xuất cây giống trồng thử nghiệm ra vườn sản xuất.

Qua kiểm tra thực tế tại các dự án, đề tài, các thành viên Hội đồng đánh giá Đơn vị chủ trì đã thực hiện công việc đúng tiến độ theo yêu cầu của thuyết minh được phê duyệt và Hợp đồng đã ký kết. Hội đồng đề nghị đơn vị tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung tiếp theo đảm bảo khối lượng, chất lượng sản phẩm của đề tài theo thuyết minh trong thời gian tới./.

Ánh Ngọc

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH “NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TÍCH HỢP CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ TIÊN TIẾN ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA VÀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ”

Qua 2 năm triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng tích hợp các hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

- Hoàn thiện xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp tại 05 Công ty, cụ thể:

+ Hệ thống quản lý tích hợp 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2015, 14001:2015 và ISO 45001:2018 tại 02 công ty: (1) Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị; (2) Chi nhánh tổng công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ - Công ty may Hòa Thi Đông Hà;

+ Hệ thống quản lý tích hợp 02 tiêu chuẩn ISO 9001:2015,

14001:2015 tại Công ty TNHH MTV Ngọc Anh;

+ Hệ thống quản lý tích hợp 2 tiêu chuẩn ISO 9001:2015 , ISO 22000:2018 tại Công ty TNHH MTV Từ Phong;

+ Hệ thống quản lý tích hợp 2 tiêu chuẩn ISO 9001:2015 , ISO 45001:2018 tại Công ty TNHH Dầu Khí Quảng Trị;

Tại các doanh nghiệp này, HTQLTH đã được xây dựng và ban hành áp dụng có hiệu lực, hệ thống tài liệu tích hợp làm giảm đi sự chồng chéo của từng hệ thống riêng lẻ.

+ Đối với HTQLTH 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018, số quy trình giảm khoảng 60% (Tại , từ 107 quy trình riêng lẻ, tích hợp còn 32 quy trình tích hợp 3 hệ thống và 11 quy trình riêng; Chi nhánh tổng công ty cổ

phần dệt may Hòa Thọ - Công ty may Hòa Thọ Đông Hà, từ 107 quy trình riêng lẻ, tích hợp còn 21 quy trình tích hợp 3 hệ thống và 6 quy trình riêng).

+ Đối với HTQLTH 02 tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 45001:2018; ISO 9001:2015 và ISO 22000:2018; ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015, số quy trình giảm khoảng 40% (Tại Công ty TNHH MTV Ngọc Anh Quảng Trị, từ 38 quy trình riêng lẻ tích hợp còn 18 quy trình tích hợp 2 hệ thống và 2 quy trình riêng; Công ty TNHH MTV Từ Phong, từ 26 quy trình riêng lẻ tích hợp còn 13 quy trình tích hợp.

2 hệ thống; 4 quy trình riêng và 4 Quy định riêng; Công ty TNHH Dầu Khí Quảng Trị, từ 26 quy trình riêng lẻ tích hợp còn 13 quy trình tích hợp 2 hệ thống; 4 quy trình riêng và 4 Quy định riêng).

- Với sự hướng dẫn áp dụng cụ thể của Sở Khoa học và Công nghệ, đã giúp cho doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, điều hành, quản lý công nghệ, qua đó tiết kiệm chi phí, nguyên vật liệu và thời gian, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc áp dụng HTQLTH đã góp phần thay đổi sâu sắc

nhận thức của cán bộ nhân viên về năng suất chất lượng, về sự cần thiết cải tiến năng suất của lãnh đạo doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự tham gia của từng cá nhân.

Qua quá trình triển khai hướng dẫn xây dựng và áp dụng HTQLTH tại 5 doanh nghiệp của tỉnh, nhận thấy: Việc tích hợp các hệ thống sẽ giúp hệ thống tài liệu được tích hợp sử dụng chung, tránh được sự chồng chéo; rút ngắn thời gian và chi phí đến (khoảng 30%) so với áp dụng hệ thống riêng lẻ. Doanh nghiệp có thể tích hợp, lồng ghép nhiều nội dung hoạt động và cũng như nhiều tài liệu với nhau như: xác định chính sách; mục tiêu; kế hoạch triển khai mục tiêu; hoạt động xem xét bối cảnh, nhận diện và đánh giá các rủi ro, cơ hội tiềm ẩn; hoạt động kiểm soát thông tin dạng văn bản; hoạt động kiểm soát đầu ra không phù hợp; hoạt động đánh giá nội bộ HTQLTH và xem xét của lãnh đạo đối với HTQLTH; hoạt động xác định cung cấp nguồn lực, bổ sung năng lực;...

Trần Phương, biên tập từ báo cáo tóm tắt đề tài

CÔNG BỐ GIẢI THƯỞNG CUỘC THI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2024

Ngày 27/12/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3252 về Công bố giải thưởng Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2024. Theo đó, công bố kết quả đạt giải, tặng giấy chứng nhận và tiền thưởng đối với các tác giả, nhóm tác giả có ý tưởng, dự án đạt giải Cuộc

thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2024 gồm có 12 ý tưởng, dự án: 01 giải nhất ý tưởng, 01 giải nhì ý tưởng, 02 giải nhì dự án, 02 giải ba ý tưởng, 02 giải ba dự án, 02 giải khuyến khích ý tưởng, 02 giải khuyến khích dự án. Cụ thể:

TT	Tên ý tưởng/dự án	Đơn vị Tác giả/nhóm tác giả	Đơn vị
GIẢI NHẤT Ý TƯỞNG (01 GIẢI)			
1	Vision Mate - Kính hỗ trợ người khiếm thị	Nguyễn Tấn Dũng	Trường THPT Bùi Dục Tài
GIẢI NHÌ Ý TƯỞNG (01 GIẢI)			
1	Ý tưởng xây dựng thư viện số giáo dục hỗ trợ việc dạy và học chương trình giáo dục phổ thông	Nguyễn Thị Thắm	Trường THCS Phan Đình Phùng
GIẢI BA Ý TƯỞNG (02 GIẢI)			
1	Nén xanh - Nén sinh thái từ đất sét và sáp thực vật	Nguyễn Thành Trung Nguyễn Ngọc Anh Bùi Hoàng Đan	Trường THPT Đông Hà
GIẢI KHUYẾN KHÍCH Ý TƯỞNG (02 GIẢI)			
1	NEWRONVI s OR - Thiết bị hỗ trợ người bệnh Parkinson trong việc thao tác máy tính.	Trần Ngọc Long Trần Lê Phúc Nguyễn Ngọc Linh Đan Đoàn Ngọc Lâm Đan	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn

TT	Tên ý tưởng/dự án	Đơn vị Tác giả/nhóm tác giả	Đơn vị
2	Mô hình tiếp thị thực phẩm: QTEC MART	Hồ Ngọc An Chi Đậu Khắc Gia Bảo Nguyễn Cát Nhã Lê Thị Ngân Tâm Phạm Tiến Đạt	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
GIẢI NHÌ DỰ ÁN (02 GIẢI)			
1	Dinh dưỡng cầu vòng Pika Pika	Lê Thị Thanh Lộc	Công ty CP thực phẩm Pika Pika
2	Sản xuất thành công sản phẩm “Thức ăn hỗn hợp vi sinh Tây sơn” từ nguồn sản phẩm, phụ phẩm nông sản phục vụ chăn nuôi	Nguyễn Đăng Vương Nguyễn Thị Thương Trần Thị Thúy Võ Thị Linh Nhân Lê Thị Hồng Sương Đào Thị Diệu Thùy	Hợp tác xã Nông nghiệp sạch Tây Sơn
GIẢI BA DỰ ÁN (02 GIẢI)			
1	Đổi mới sáng tạo thông qua nhiều hoạt động chế biến sâu từ cây chuối cho vùng trũng Hải Phong - Hải Lăng - Quảng Trị để tạo thêm nhiều Ké sinh nhai cho lao động địa phương. Thông qua việc tạo ra sản phẩm chuối phủ sô cô la cao cấp với nhiều hương vị khác nhau	Ngô Thị Hạnh	Công ty TNHH SUKHA
2	Ứng dụng giải pháp công nghệ số đảm bảo chất lượng và minh bạch thông tin trong mô hình sản xuất và kinh doanh con Dúi đặc sản	Lê Nam Khánh Bùi Xuân Thủy Nguyễn Công Trí	Hợp tác xã Phát triển Nông nghiệp và Du lịch bền vững Xy

TT	Tên ý tưởng/dự án	Đơn vị Tác giả/nhóm tác giả	Đơn vị
GIẢI KHUYẾN KHÍCH DỰ ÁN (02 GIẢI)			
1	Ngũ cốc Anh Tú - Dinh dưỡng bền vững từ Nông Sản xanh	Trần Ngọc Thanh Trúc Lê Thị Minh Phương	Hộ kinh doanh Lê Thị Ánh Nga
2	Giải pháp chống đánh cắp tiền và phát hiện thanh toán trong thương mại điện tử	Nguyễn Tài Tâm	Công ty TNHH TPT Software

Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2024 là chương trình tìm kiếm và hỗ trợ các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mang đến cơ hội kết nối nguồn lực tài chính, đối tác, phát triển thị trường, chia sẻ kiến thức để nhằm giúp các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh phát huy hiệu quả nguồn lực, và thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh nhà. Khẳng định vai trò của đổi mới sáng tạo trong

công cuộc ứng phó với thách thức và định hướng tương lai. Đồng thời kết nối cộng đồng khởi nghiệp ĐMST trong và ngoài tỉnh, tạo sân chơi, môi trường giao lưu lành mạnh, bổ ích, thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của xã hội, các doanh nghiệp đối với các ý tưởng, dự án có tính khả thi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Trần Phương

Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia

Ngày 22/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Bản tin Thông tin KH&CN trân trọng giới thiệu toàn văn của Nghị quyết.

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu

quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

5. Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức

và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực

tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu

lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát

triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm

vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc

gia. Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên

cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua

sản công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá...); có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng,

nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Có cơ chế hợp tác công tư

để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu

và các sàn giao dịch dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ

chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Có chính sách đủ mạnh

khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban. Thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, cơ bản hoàn thành trong năm 2025.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết.

6. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ./.